



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

đã được kiểm toán

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
CN Hà Nội: P12.8 Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84-24) 3244.40.44 / Fax: (84-24) 3244.40.45

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	6 – 43
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300296337 ngày 14 tháng 02 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: Xe băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiều kiot có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1.200mm², điện áp đến 500KV;
- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cá vặn xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Đức các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV; công suất từ 25MVA đến 450MVA;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, đấm lưng, vật lý trị liệu;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê bãi đỗ xe.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Chủ tịch
Ông Mẫn Hồng Càn	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quế	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Cương	Ủy viên
Ông Trần Vĩnh Hưng	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Mẫn Hồng Càn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kim Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lục Xít	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Phụ trách kế toán

Bổ nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kê toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 7 năm 2019

TM, Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Mẫn Ngọc Anh

MINH HƯƠNG



Số : 191/2019/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka, được lập ngày 26 tháng 7 năm 2019, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2019

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2019-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2016-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.686.330.851.067	1.557.793.783.187
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.037.484.179	25.324.199.887
1.	Tiền	111	V.01	14.037.484.179	25.324.199.887
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.194.592.379.120	1.293.406.000.994
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	304.122.733.451	655.124.046.923
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	815.496.879.619	545.147.846.512
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	74.972.766.050	93.134.107.559
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiêu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	464.836.317.756	236.755.647.503
1.	Hàng tồn kho	141		464.836.317.756	236.755.647.503
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		12.864.670.012	2.307.934.803
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	1.351.323.577	926.398.343
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.511.284.834	1.380.008.012
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	2.061.601	1.528.448
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.385.557.636.045	2.204.648.460.097
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		62.118.449.555	60.979.579.095
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	62.118.449.555	60.979.579.095
II.	Tài sản cố định	220		40.533.781.029	79.471.645.873
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	33.798.035.596	70.634.490.173
	- Nguyên giá	222		74.925.792.225	158.792.064.168
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(41.127.756.629)	(88.157.573.995)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	5.779.861.771	7.852.180.978
	- Nguyên giá	225		10.361.596.243	10.361.596.243
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(4.581.734.472)	(2.509.415.265)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	955.883.662	984.974.722
	- Nguyên giá	228		1.463.337.543	1.463.337.543
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(507.453.881)	(478.362.821)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.11	25.058.931.493	25.156.362.817
	- Nguyên giá	231		26.171.565.545	26.171.565.545
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(1.112.634.052)	(1.015.202.728)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	1.431.029.709.386	1.288.279.576.824
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.431.029.709.386	1.288.279.576.824
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	823.662.778.832	746.034.633.831
1.	Đầu tư vào công ty con	251		775.912.728.385	696.196.979.728
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		36.291.000.000	36.285.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.459.050.447	13.552.654.103
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.153.985.750	4.726.661.657
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	3.153.985.750	4.726.661.657
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.071.888.487.112	3.762.442.243.284

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		2.357.622.606.749	2.109.695.175.342
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.653.597.181.250	1.332.609.987.173
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	493.435.249.166	308.030.981.759
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	53.401.271.845	9.705.793.620
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.225.028.668	1.500.959.842
4.	Phải trả người lao động	314		2.404.442.367	1.928.330.217
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	19.421.415.714	5.005.595.169
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	1.919.402.669	2.212.809.669
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	48.007.665.099	21.620.154.819
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	1.032.782.705.722	982.605.362.078
II.	Nợ dài hạn	330		704.025.425.499	777.085.188.169
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.18	6.040.000.000	6.040.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	692.532.128.932	765.262.240.966
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.10	5.453.296.567	5.782.947.203
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.714.265.880.363	1.652.747.067.942
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.714.265.880.363	1.652.747.067.942
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.699.000.000.000	1.399.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		1.699.000.000.000	1.399.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.265.880.363	253.747.067.942
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a		8.473.557.942	226.770.781.383
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		421b		6.792.322.421	26.976.286.559
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.071.888.487.112	3.762.442.243.284

Người lập biểu

Vũ Thị Kim Phượng

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Huyền

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 7 năm 2019

Tổng Giám đốc



Mẫn Ngọc Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2.701.109.810.722	3.384.268.248.404
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	21.646.154	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.701.088.164.568	3.384.268.248.404
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	2.578.681.212.801	3.169.550.878.614
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		122.406.951.767	214.717.369.790
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	32.008.389.997	89.894.278.611
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	80.972.193.558	219.888.688.069
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		79.761.450.040	98.315.409.603
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	13.186.785.976	11.955.513.393
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	55.041.637.842	48.588.593.411
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.214.724.388	24.178.853.528
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	7.177.692.585	10.856.323.497
12.	Chi phí khác	32	VI.07	2.071.723.225	1.944.653.942
13.	Lợi nhuận khác	40		5.105.969.360	8.911.669.555
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.320.693.748	33.090.523.083
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	3.858.021.963	331.289.321
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(329.650.636)	5.782.947.203
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6.792.322.421	26.976.286.559
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		Không áp dụng	Không áp dụng
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		Không áp dụng	Không áp dụng

Người lập biểu

Vũ Thị Kim Phượng

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Huyền

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 7 năm 2019



Tổng Giám đốc

Mẫn Ngọc Anh

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		10.320.693.748	33.090.523.083
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khâu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		10.141.279.685	12.545.140.308
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		371.845.988	(359.434.043)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.656.995.751)	(8.161.849.421)
-	Chi phí lãi vay	06		79.761.450.040	98.315.409.603
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		92.938.273.710	135.429.789.530
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		97.543.022.969	(207.103.211.919)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(228.080.670.253)	115.665.624.847
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		331.940.111.666	92.694.336.421
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.147.750.673	888.738.230
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(64.629.826.508)	(96.740.200.897)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.504.947.047)	(6.047.521.189)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		228.353.715.210	34.787.555.023
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(146.432.974.382)	(430.496.229.096)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		7.104.698.064	17.215.568.329
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(211.515.613.150)	(222.218.168.839)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		133.887.468.149	342.135.470.524
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		552.297.687	8.161.849.421
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(216.404.123.632)	(285.201.509.661)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	1.030.370.377.949	1.588.108.136.265	
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.052.923.146.339)	(1.349.222.041.928)	
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(684.015.900)	(50.325.900)	
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(23.236.784.290)	238.835.768.437	
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(11.287.192.712)	(11.578.186.201)	
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	25.324.199.887	36.901.974.211	
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	477.004	411.877	
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	14.037.484.179	25.324.199.887	

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 7 năm 2019

Người lập biểu

Vũ Thị Kim Phượng

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Huyền



Mẫn Ngọc Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 3 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Sản xuất các loại máy biến áp phân phổi dầu, máy biến áp phân phổi khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: Xě băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phổi dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiwi kiot có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm², điện áp đến 500KV;
- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vặn xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm băng đồng);
- Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Kinh doanh nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phổi dầu, máy biến áp phân phổi khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV; công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, đấm lưng, vật lý trị liệu;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê bãi đỗ xe.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách Công ty con gồm:

Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính
- Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea	Khu Công nghiệp Hanaka, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
- Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 - Yên Phong	KCN Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka Sài Gòn	Lô 44, đường số 8, KCN Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	KCN Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
- Công ty Cổ phần Sản xuất máy biến áp truyền tải 220 - 500KV Hanaka	KCN Hanaka, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Lands	Tòa nhà Trung tâm thương mại Hồng Kông, phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết gồm:	

Tên Công ty liên doanh, liên kết

- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M
- Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hanaka

Địa chỉ trụ sở chính

- Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
- Đường số 9, KCN Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- KCN Hanaka, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm này và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.



Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 – 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 07 – 12 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	45 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

07. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà và quyền sử dụng đất	50 năm
- Đối với quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao	

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khé ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bàn quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	329.605.867	3.927.719.379
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.707.878.312	21.396.480.508
Cộng	14.037.484.179	25.324.199.887

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm			Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số đầu năm	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng						
- Đầu tư vào công ty con									
+ Công ty Cổ phần Sản xuất máy biến áp truyền tải 220 - 500KV Hanaka	775.912.728.385	993.897.249	(*)	-	-	-	696.196.979.728	-	-
+ Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea		615.488.475.742	(*)				615.488.475.742	(*)	-
+ Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 - Yên Phong		73.027.945.409	(*)				49.706.770.139	(*)	-
+ Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka Sài Gòn		15.233.695.871	(*)				5.337.765.889	(*)	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Lands		960.182.666	(*)				-	(*)	-
+ Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn		70.208.531.448	(*)				25.663.967.958	(*)	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết									
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka		36.291.000.000	(*)				36.285.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M		400.000.000	(*)				400.000.000	(*)	-
+ Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hanaka		35.875.000.000	(*)				35.875.000.000	(*)	-
+ Công ty Cổ phần TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		16.000.000	(*)				10.000.000	(*)	-
+ Công ty Cổ phần Thiết bị điện + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		11.459.050.447	(*)				13.552.654.103	(*)	-
+ Công ty Cổ phần Thiết bị điện		205.489.844	(*)				12.536.853.500	(*)	-
+ Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka - Việt Nam		448.802.603	(*)				448.802.603	(*)	-
+ Công ty Cổ phần Bao bì Hanaka		10.000.000.000	(*)				-	(*)	-
Công		804.758.000	(*)				566.998.000	(*)	-
	823.662.778.832						746.034.633.831		

(*): Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn đầu tư	79.721.748.657	221.933.470.839
+ Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 - Yên Phong	23.321.175.270	31.613.663.492
+ Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka Sài Gòn	9.895.929.982	4.955.839.389
+ Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	44.544.563.490	25.663.967.958
+ Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	-	159.700.000.000
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải 220 – 500KV Hanaka	993.897.249	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Lands	960.182.666	-
+ Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hanaka	6.000.000	-
Giảm vốn đầu tư	-	123.825.000.000
+ Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	-	123.825.000.000
Doanh thu bán hàng	737.843.054.025	1.379.272.976.814
+ Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea	575.538.171.542	1.316.597.901.678
+ Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	162.304.882.483	62.005.189.236
+ Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka Sài Gòn	-	669.885.900
Mua nguyên vật liệu	674.232.438.571	976.074.171.533
+ Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea	461.638.887.005	854.261.173.611
+ Công ty TNHH Hồng Ngọc	-	63.549.247.922
+ Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	212.593.551.566	58.263.750.000
Mua thành phẩm	26.928.525.558	-
+ Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea	26.928.525.558	-
Sử dụng dịch vụ	3.682.980.000	8.529.081.600
+ Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea	3.682.980.000	8.529.081.600

03. Phải thu của khách hàng

a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	1.424.280.001	111.147.096.476
- Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea	149.747.186.135	360.929.214.187
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka - Việt Nam	49.798.535.385	-
- Ông Đặng Quốc Mỹ	40.106.529.325	40.106.529.325
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	63.046.202.605	142.941.206.935
Cộng	304.122.733.451	655.124.046.923

b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea	149.747.186.135	360.929.214.187
Cộng	149.747.186.135	360.929.214.187

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Trả trước cho người bán

a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH Hồng Ngọc
 - Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 - Yên Phong
 - Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông
 - Trả trước cho người bán của nhà cung cấp khác
- Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
815.496.879.619	545.147.846.512
481.992.359.302	271.994.746.802
233.007.552.321	120.985.509.093
-	61.912.992.078
100.496.967.996	90.254.598.539
815.496.879.619	545.147.846.512

b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH Hồng Ngọc
 - Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 - Yên Phong
 - Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka
 - Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka Sài Gòn
 - Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông
- Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
741.842.873.872	481.736.210.222
481.992.359.302	271.994.746.802
233.007.552.321	120.985.509.093
23.266.207.137	23.266.207.137
3.576.755.112	3.576.755.112
-	61.912.992.078
741.842.873.872	481.736.210.222

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>	74.972.766.050	-	93.134.107.559	-
- Tạm ứng	489.644.841	-	481.716.364	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	75.974.900	-	75.974.900	-
- Phải thu khác	74.407.146.309	-	92.576.416.295	-
+ Ông Mẫn Ngọc Anh	58.295.300.205	-	78.264.201.847	-
+ Bà Mẫn Thị Mai	362.375.000	-	362.375.000	-
+ Ông Vũ Hoài Nam	12.685.000.000	-	12.685.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	3.064.471.104	-	1.264.839.448	-
<i>b. Dài hạn</i>	62.118.449.555	-	60.979.579.095	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.690.065.000	-	400.000.000	-
- Phải thu khác	60.428.384.555	-	60.579.579.095	-
+ Công ty TNHH Hồng Ngọc	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
+ Thuê GTGT tài sản thuê tài chính	428.384.555	-	579.579.095	-
Cộng	137.091.215.605	-	154.113.686.654	-

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	99.118.339.548	-	76.294.011.960	-
- Công cụ, dụng cụ	3.301.273.690	-	2.198.496.728	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	274.768.270.293	-	73.253.295.225	-
- Thành phẩm	80.657.321.806	-	76.653.227.210	-
- Hàng hóa	6.991.112.419	-	8.356.616.380	-
Cộng	464.836.317.756	-	236.755.647.503	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	1.431.029.709.386	1.288.279.576.824
- Mua sắm tài sản cố định	353.814.486.031	285.117.595.755
- Xây dựng cơ bản	1.077.215.223.355	1.003.161.981.069
+ Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Hanaka	355.346.536.418	297.827.430.500
+ Trung tâm thương mại Hồng Kông	454.126.660.564	454.126.660.567
+ Xưởng máy biến áp truyền tải	103.938.415.986	100.779.827.211
+ Cụm Công nghiệp làng nghề Mân Xá	163.383.942.391	117.857.619.869
+ Chi phí xây dựng khác	419.667.996	32.570.442.922
Cộng	1.431.029.709.386	1.288.279.576.824

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	66.871.512.800	76.183.058.881	13.921.661.041	1.815.831.446	158.792.064.168
- Mua trong năm	-	-	3.619.681.820	63.160.000	3.682.841.820
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Phân loại lại khoản mục	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(27.888.345.397)	(59.660.768.366)	-	-	(87.549.113.763)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	38.983.167.403	16.522.290.515	17.541.342.861	1.878.991.446	74.925.792.225
II. Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	18.873.574.477	59.977.940.561	8.034.558.008	1.271.500.949	88.157.573.995
- Khấu hao trong năm	1.807.773.138	4.778.609.634	1.184.014.596	172.040.726	7.942.438.094
- Phân loại lại khoản mục	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(5.311.568.624)	(49.660.686.836)	-	-	(54.972.255.460)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	15.369.778.991	15.095.863.359	9.218.572.604	1.443.541.675	41.127.756.629
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tài ngày đầu năm</i>	47.997.938.323	16.205.118.320	5.887.103.033	544.330.497	70.634.490.173
<i>2. Tài ngày cuối năm</i>	23.613.388.412	1.426.427.156	8.322.770.257	435.449.771	33.798.035.596

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 40.269.570.283 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính			
Số dư đầu năm	4.794.096.241	5.567.500.002	10.361.596.243
- Thuê tài chính trong năm	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	4.794.096.241	5.567.500.002	10.361.596.243
II. Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	1.162.439.464	1.346.975.801	2.509.415.265
- Khäu hao trong năm	958.819.252	1.113.499.955	2.072.319.207
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	2.121.258.716	2.460.475.756	4.581.734.472
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>3.631.656.777</i>	<i>4.220.524.201</i>	<i>7.852.180.978</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>2.672.837.525</i>	<i>3.107.024.246</i>	<i>5.779.861.771</i>

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	1.309.097.613	154.239.930	1.463.337.543
- Mua trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	1.309.097.613	154.239.930	1.463.337.543
II. Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	324.122.891	154.239.930	478.362.821
- Khäu hao trong năm	29.091.060	-	29.091.060
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	353.213.951	154.239.930	507.453.881
III. Giá trị còn lại TSCĐ vô hình			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>984.974.722</i>	-	<i>984.974.722</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>955.883.662</i>	-	<i>955.883.662</i>

Tài sản cố định vô hình đã hết khäu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 154.239.930 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	26.171.565.545	-	-	26.171.565.545
- Quyền sử dụng đất	21.300.000.000	-	-	21.300.000.000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	4.871.565.545	-	-	4.871.565.545
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn luỹ kế	1.015.202.728	97.431.324	-	1.112.634.052
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	1.015.202.728	97.431.324	-	1.112.634.052
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	25.156.362.817	-	97.431.324	25.058.931.493
- Quyền sử dụng đất	21.300.000.000	-	-	21.300.000.000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	3.856.362.817	-	97.431.324	3.758.931.493
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

12. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>		
- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.351.323.577	926.398.343
<i>b. Dài hạn</i>		
- Chi phí thuê đất	3.153.985.750	4.726.661.657
- Chi phí sửa chữa tài sản	397.144.158	409.595.612
- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	914.863.260	2.294.206.789
- Chi phí khác	332.274.767	1.963.266.489
Cộng	1.509.703.565	59.592.767
	4.505.309.327	5.653.060.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	Đơn vị tính: VNĐ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		
a. Vay ngắn hạn	982.605.362.078	982.605.362.078	1.094.505.396.270	1.044.328.052.626	1.032.782.705.722	1.032.782.705.722
- Vay ngân hàng	822.188.622.078	822.188.622.078	700.243.424.408	941.138.350.597	581.293.695.889	581.293.695.889
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – CN Bắc Ninh ^(a)	113.662.721.221	113.662.721.221	142.406.086.669	137.688.203.049	118.380.604.841	118.380.604.841
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN SGD I ^(b)	708.525.900.857	708.525.900.857	557.837.337.739	803.450.147.548	462.913.091.048	462.913.091.048
- Vay dài hạn đến hạn trả	158.753.600.000	158.753.600.000	392.598.831.862	101.526.562.029	449.825.869.833	449.825.869.833
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN SGD I ^(c)	9.000.000.000	9.000.000.000	22.000.000.000	9.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN SGD I ^(c)	10.953.600.000	10.953.600.000	31.948.000.000	42.901.600.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN SGD I ^(c)	22.900.000.000	22.900.000.000	23.089.535.000	45.989.535.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ^(d)	115.900.000.000	115.900.000.000	274.841.296.862	3.635.427.029	387.105.869.833	387.105.869.833
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – SGD I ^(e)	-	-	40.720.000.000	-	40.720.000.000	40.720.000.000
- Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	1.663.140.000	1.663.140.000	1.663.140.000	1.663.140.000	1.663.140.000	1.663.140.000
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(c)	1.663.140.000	1.663.140.000	1.663.140.000	1.663.140.000	1.663.140.000	1.663.140.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	765.262.240.966	765.262.240.966	330.126.953.541	402.857.065.575	692.532.128.932	692.532.128.932
b.1. Vay dài hạn	760.550.010.966	760.550.010.966	327.296.953.541	398.363.925.575	689.483.038.932	689.483.038.932
Từ 1 năm đến 5 năm	459.884.274.753	459.884.274.753	289.451.572.251	343.643.925.575	405.691.921.429	405.691.921.429
- Vay ngân hàng	459.884.274.753	459.884.274.753	289.451.572.251	343.643.925.575	405.691.921.429	405.691.921.429
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN SGD I ^(c)	64.421.463.251	64.421.463.251	5.544.000.000	10.965.463.251	59.000.000.000	59.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN SGD I ^(c)	31.948.000.000	31.948.000.000	-	-	31.948.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm	
		Trong năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD I ^(c)	25.889.535.000	25.889.535.000	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ^(d)	337.625.276.502	283.907.572.251	274.840.927.324
Trên 5 năm	300.665.736.213	300.665.736.213	54.720.000.000
- Vay ngân hàng	300.665.736.213	37.845.381.290	54.720.000.000
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – SGD I ^(f)	239.598.000.000	36.920.000.000	42.720.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN SGD I ^(e)	61.067.736.213	925.381.290	12.000.000.000
b.2. Nợ thuê tài chính	4.712.230.000	2.830.000.000	4.493.140.000
+ Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(e)	4.712.230.000	-	1.663.140.000
+ Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	-	-	2.830.000.000
Công	1.747.867.603.044	1.747.867.603.044	1.424.632.349.811
			1.447.185.118.201
			1.725.314.834.654
			1.725.314.834.654

(a) Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2600-LAV-201701229 ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tinh Bắc Ninh với hạn mức tín dụng 120.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động thực hiện sản xuất kinh doanh, thời hạn là 12 tháng, lãi suất 8,5%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản gắn liền với đất trên thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S608948 do UBND tinh Bắc Ninh cấp ngày 28 tháng 5 năm 2001.

(b) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/175407/HĐTTDHM ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I với hạn mức tín dụng là 1.500.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.

- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch I theo các hợp đồng sau :
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/175407/2013/HĐTTDDH ngày 29 tháng 10 năm 2013 với hạn mức là 67.589.535.000 đồng để thanh toán một phần chi phí đầu tư máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư mở rộng nhà xưởng, mua sắm thêm máy móc thiết bị sản xuất dây và cáp của Công ty. Thời hạn vay 07

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- năm. Lãi suất vay cho kỳ đầu tiên là 12,5%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay của dự án (bao gồm cả phần nhà xưởng đầu tư thêm và dây chuyền máy móc thiết bị mới) đứng tên Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka.
- Hợp đồng tín dụng số 03.175407/2013/HDTDDH ngày 29/11/2013 với số tiền là 3.500.000 USD để đầu tư mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất. Thời hạn vay đến ngày 10/10/2021, lãi suất vay là 8,5%/năm và điều chỉnh 3 tháng 01 lần, khoản vay này được đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đứng tên Công ty Cổ phần cáp điện Hanaka - Korea. Số dư nợ vay đến ngày 31/3/2019 là 1.880.000 USD.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2016/175407/HDTD ngày 15 tháng 3 năm 2016 với số tiền tối đa là 134.610.000.000 đồng để thanh toán một phần chi phí đầu tư máy móc thiết bị thuộc giai đoạn 2 Dự án đầu tư nâng cao công suất thiết bị sản xuất dây và cáp điện giai đoạn 2. Thời hạn vay 07 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản xuất cáp điện của dự án Đầu tư nâng cao công suất thiết bị sản xuất dây và cáp điện giai đoạn 2.
 - Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2017/175407/HBDA ngày 28 tháng 3 năm 2017 với hạn mức tín dụng 180.000.000.000 đồng để tài trợ các chi phí hợp lý đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại Hồng Kong. Thời hạn vay 07 năm. Các khoản vay được áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận thỏa thuận trả lãi, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay trên được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, quyền khai thác kinh doanh dự án của bên vay thuộc dự án.

(d) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2018/HDTDDH-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018 với hạn mức tín dụng 383.000.000 đồng để đầu tư xây dựng Dự án Khu đô thị Hanaka để tạo vốn đối ứng thanh toán cho Dự án DTXD Đường TL277 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chòe, huyện Yên Phong theo hình thức Xây dựng – Chuyển giao (Dự án Khu đô thị Hanaka 20 ha – phần công trình kiến trúc) tại phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Thời hạn vay 66 tháng. Lãi suất vay trong hạn cho 03 tháng đầu tiên là 12,7%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng Dự án Khu đô thị Hanaka để tạo vốn đối ứng cho Dự án DTXD Đường TL277 theo hợp đồng thuê chấp nhận đầu tư số 01/2018/HDT-
PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018.
- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 02/2018/HDTDDH-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018 với hạn mức tín dụng 216.000.000 đồng để đầu tư xây dựng Dự án DTXD Đường TL277 từ thị trấn Chòe, huyện Yên Phong theo hình thức Xây dựng – Chuyển giao (phần điều chỉnh bổ sung hai tuyến nhánh). Thời hạn vay 66 tháng. Lãi suất vay trong hạn cho 03 tháng đầu tiên là 12,7%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng Dự án Khu đô thị Hanaka để tạo vốn đối ứng cho Dự án DTXD Đường TL277 theo hợp đồng thuê chấp nhận đầu tư số 01/2018/HDT-
PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018.
- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 09/2017/HDTDDH-PN/SHB.112100 ngày 05 tháng 9 năm 2017 với hạn mức tín dụng 220.000.000 đồng để cho vay và phát hành bão lanh nhằm đầu tư xây dựng Dự án Cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá – Văn Môn, huyện Yên Phong. Thời hạn cho vay là 66 tháng, lãi suất được quy định trên từng khé ước nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ quyền tài sản hiện tại, hình thành trong lai thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá – Văn Môn, huyện Yên Phong.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 05/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.112100 ngày 01 tháng 10 năm 2016 với hạn mức là 245.000.000.000 đồng để đầu tư xây dựng đường TL 277 đoạn đầu tuyến từ Km0-Km3+680 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong theo hình thức BT. Thời hạn vay 36 tháng, Khoản vay trên được đảm bảo bằng Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị Hanaka theo hợp đồng thuê chấp tài sản số 99/2016/HĐTCTL-PN/SHB.112100.
- Hợp đồng tín dụng số 06/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.112100 ngày 01 tháng 10 năm 2016 với số hạn mức là 220.000.000.000 đồng vay cho Dự án Đầu tư xây dựng khu đô thị Hanaka 20ha để tạo vốn đối ứng thanh toán cho dự án đầu tư xây dựng Đường TL 277 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong theo hình thức BT. Thời hạn vay 36 tháng, Khoản vay trên được đảm bảo bằng Dự án bất động sản hình thành trong tương lai - khu đô thị Hanaka theo hợp đồng thuê chấp tài sản số 99/2016/HĐTCTL-PN/SHB.112100.

(e) Khoản nợ thuê tài chính Công ty cho TNHH MTV thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính (hợp đồng không huy ngang) số 104.16.06/CTTC ngày 07 tháng 12 năm 2016, thời hạn thuê là 60 tháng với mức lãi suất thuê là 8,5%/năm áp dụng trong 06 tháng từ ngày ký hợp đồng, sau đó được xác định bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng đổi với cá nhân, hình thức trả lãi sau do Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng thêm biên độ 3,1%/năm và được áp dụng điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần.

(f) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 01/2015/HĐTTDDT-NHPT ngày 12 tháng 02 năm 2015 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - SGD I và Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung số 06/2015/HĐTTDSĐ - NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2018 sửa đổi số tiền vay tối đa là 465.000.000 đồng để đầu tư các hạng mục của dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất máy biến áp truyền tải 220-500KV công suất đến 450 MVA. Thời hạn vay 87 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất vay 9,6%/năm, khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản hình thành trong tương lai từ nguồn vốn vay trên, tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I.

Đơn vị tính: VND

14. Phai trả người bán

	Số cuối năm	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số đầu năm	Số có khả năng trả nợ
Giá trị	493.435.249.166	493.435.249.166	308.030.981.759	308.030.981.759	308.030.981.759
293.111.755	293.111.755	109.078.612.495	109.078.612.495	109.078.612.495	109.078.612.495
86.626.816.621	86.626.816.621	2.766.145.085	2.766.145.085	2.766.145.085	2.766.145.085
49.576.426.443	49.576.426.443	47.487.141.006	47.487.141.006	47.487.141.006	47.487.141.006
47.487.141.006	47.487.141.006	107.077.920.674	107.077.920.674	107.077.920.674	107.077.920.674
107.077.920.674	107.077.920.674	77.110.142.041	77.110.142.041	77.110.142.041	77.110.142.041
77.110.142.041	77.110.142.041	125.263.690.626	125.263.690.626	125.263.690.626	125.263.690.626
125.263.690.626	125.263.690.626	308.030.981.759	308.030.981.759	308.030.981.759	308.030.981.759
493.435.249.166	493.435.249.166				

a. Phai trả người bán ngắn hạn

- Công ty Cổ phần Hanacans
 - Công ty Cổ phần kinh doanh vật tư Vinametal
 - Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M
 - Glencore International AG
 - Công ty TNHH Rexam A.B.M
 - Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kong
 - Phai trả ngắn hạn cho các người bán khác
- Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bán thuỷết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan ngắn hạn</i>		
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	126.686.568.484	126.686.568.484
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	49.576.426.443	49.576.426.443
Công	77.110.142.041	77.110.142.041
	126.686.568.484	126.686.568.484

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>		
- Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	53.401.271.845	53.401.271.845
- Công ty Long Phượng	27.038.973.167	27.038.973.167
- Công ty TNHH Huynh Phát	15.473.433.381	15.473.433.381
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	6.153.863.700	6.153.863.700
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn cho các khách hàng khác		
Công	4.735.001.597	4.735.001.597
	53.401.271.845	53.401.271.845

b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan ngắn hạn</i>		
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M		
Công		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị tăng đầu ra						
- Thuế giá trị tăng hàng nhập khẩu	1.528.448	998.901.398	69.520.976,00	1.059.674.241		7.219.685
- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
- Thuế xuất nhập khẩu						
- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
- Thuế thu nhập cá nhân						
- Thuế tài nguyên						
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất						
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác						
- Phí, lệ phí và các khoản khác						
Cộng	1.528.448	1.500.959.842	40.340.125.946	39.616.590.273	2.061.601	2.225.028.668

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	19.421.415.714	5.005.595.169
- Chi phí lãi vay	18.491.198.916	3.359.575.384
- Các khoản trích trước khác	930.216.798	1.646.019.785
Cộng	19.421.415.714	5.005.595.169

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	48.007.665.099	21.620.154.819
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.927.941.213	1.929.831.945
- Kinh phí công đoàn	30.444.678	-
- Bảo hiểm xã hội	452.279.500	328.773.600
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000	35.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	45.581.999.708	19.326.549.274
+ <i>Phải trả về cổ tức</i>	1.104.384.800	17.224.860.700
+ <i>Công ty TNHH SEIYO Việt Nam</i>	378.266.667	378.266.667
+ <i>Ông Mẫn Ngọc Hồng Kông</i>	20.000.000.000	-
+ <i>Đặt cọc mua bất động sản</i>	22.223.091.100	-
+ <i>Các đối tượng khác</i>	1.876.257.141	1.723.421.907
<i>b. Dài hạn</i>	6.040.000.000	6.040.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.040.000.000	6.040.000.000
Cộng	54.047.665.099	27.660.154.819

19. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	1.919.402.669	2.212.809.669
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	1.919.402.669	2.212.809.669
Cộng	1.919.402.669	2.212.809.669

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.100.000.000.000	226.770.781.383	1.326.770.781.383
Tăng vốn trong năm trước	299.000.000.000	-	299.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	26.976.286.559	26.976.286.559
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm trước	1.399.000.000.000	253.747.067.942	1.652.747.067.942
Số dư đầu năm nay			
Tăng vốn trong năm nay	-	-	54.726.490.000
Lãi trong năm nay	-	6.792.322.421	6.792.322.421
Tăng khác (*)	54.726.490.000	-	-
Phân phối lợi nhuận (**)	245.273.510.000	(245.273.510.000)	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm nay	1.699.000.000.000	15.265.880.363	1.714.265.880.363

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*): Tăng khác từ chuyển nợ thành vốn góp.

(**): Theo Quyết định số 02/QĐ – ĐHĐCĐ và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty số 01/BB – ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.699.000.000.000	100	1.399.000.000.000	100
+ Công ty TNHH Hồng Ngọc	1.265.442.680.000	74,48	1.043.858.570.000	74,61
+ Ông Mẫn Ngọc Anh	309.638.940.000	18,23	252.332.280.000	18,04
+ Các đối tượng khác	123.918.380.000	7,29	102.809.150.000	7,35
Cộng	1.699.000.000.000	100	1.399.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	1.399.000.000.000	1.100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	300.000.000.000	299.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.699.000.000.000	1.399.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	245.273.510.000	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	169.900.000	139.900.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	169.900.000	139.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	169.900.000	139.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	169.900.000	139.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	169.900.000	139.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	1.336,13	1.027,56
- EUR	141,88	138,74

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	2.677.041.360.450	3.337.908.433.113
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.068.450.272	46.359.815.291
Cộng	2.701.109.810.722	3.384.268.248.404

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài doanh thu với các bên liên quan của Công ty được thuyết minh tại mục V.02, Công ty còn doanh thu với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	9.768.415.119	133.161.765.926

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	21.646.154	-
Cộng	21.646.154	-

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.575.348.579.365	3.166.995.594.021
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.332.633.436	2.555.284.593
Cộng	2.578.681.212.801	3.169.550.878.614

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	43.965.687	82.602.663
- Lãi bán các khoản đầu tư	31.218.636.344	80.983.080.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	508.332.000	8.079.246.758
- Lãi chênh lệch tỷ giá	237.455.966	749.349.190
Cộng	32.008.389.997	89.894.278.611

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	79.761.450.040	98.315.409.603
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	121.310.507.841
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.210.743.518	142.770.625
- Chi phí tài chính khác	-	120.000.000
Cộng	80.972.193.558	219.888.688.069

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	7.104.698.064	-
- Chênh lệch góp vốn bằng tài sản	-	10.030.500.000
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng thu được	24.629.209	-
- Các khoản khác	48.365.312	825.823.497
Cộng	7.177.692.585	10.856.323.497

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản phạt vi phạm hành chính	423.050.836	33.444.383
- Các khoản khác	1.648.672.389	1.911.209.559
Cộng	2.071.723.225	1.944.653.942

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	55.041.637.842	48.588.593.411
- Chi phí nhân viên quản lý	16.273.629.228	12.752.258.584
- Chi phí vật liệu quản lý	1.374.285.136	1.464.914.502
- Chi phí đồ dùng văn phòng	296.337.325	457.165.701
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.098.490.951	1.891.614.194
- Thuế, phí và lệ phí	5.140.488.305	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.037.708.727	9.113.474.410
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	25.820.698.170	22.909.166.020
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	13.186.785.976	11.955.513.393
- Chi phí nhân viên	1.661.586.169	420.670.466
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.576.150.444	6.901.807.623
- Các khoản chi phí bán hàng khác	6.949.049.363	4.633.035.304
Cộng	68.228.423.818	60.544.106.804

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	3.858.021.963	331.289.321
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.858.021.963	331.289.321

(*): Chi tiết tính thuế TNDN năm hiện hành như sau:

	Bất động sản	SXKD
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	10.320.693.748
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	635.604.921
+ <i>Lỗ các năm trước kết chuyển vào năm nay</i>	-	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	635.604.921
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	1.648.253.178	7.956.767.808
+ <i>Các chi phí không được trừ</i>	-	7.956.767.808
+ <i>Lợi nhuận BDS</i>	1.648.253.178	1.648.253.178
Thu nhập chịu thuế	1.648.253.178	17.641.856.635
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	329.650.636	3.528.371.327

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	5.453.296.567	5.782.947.203
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.453.296.567	5.782.947.203

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	237.527.993.738	43.366.108.046
- Chi phí nhân công	30.448.334.628	21.141.083.219
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.141.279.685	12.545.140.308
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.179.161.348	21.446.357.997
- Chi phí khác bằng tiền	73.414.531.857	30.450.756.238
Cộng	392.711.301.256	128.949.445.808

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay
Chuyển cổ tức phải trả thành vốn góp	245.273.510.000
Chuyển công nợ phải trả thành vốn góp	54.726.490.000
Cộng	300.000.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ban điều hành		
- Chuyển nhượng bán cổ phần	-	107.625.000.000
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:		
Ban điều hành		
+ Phải thu ngắn hạn khác	58.295.300.205	78.264.201.847
Công nợ phải thu	58.295.300.205	78.264.201.847
Ban điều hành		
+ Phải trả ngắn hạn khác	-	13.067.608.000
Công nợ phải trả	-	13.067.608.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.520.000.000	2.750.000.000
Cộng	2.520.000.000	2.750.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

- Công ty TNHH Hồng Ngọc
- Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea
- Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 - Yên Phong
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka Sài Gòn
- Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka
- Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hanaka

- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông

Mối quan hệ

- | |
|---|
| Công ty mẹ |
| Công ty con |
| Công ty liên kết |
| Công ty liên kết |
| Công ty liên kết |
| Ông Mẫn Ngọc Hồng Kông - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông là con ruột của Ông Mẫn Ngọc Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka |

Ngoài các nghiệp vụ đã thuyết minh tại mục V.02 và VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác.

Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Thuê thầu phụ	145.220.964.814	129.943.652.925
+ Mua nguyên liệu, vật liệu	117.149.507.796	2.779.144.975

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04, V.05, V.14, V.15, V.18, công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Hồng Ngọc (TNHH)	60.000.000.000	60.000.000.000
+ Phải thu khác		

03. Điều chỉnh hồi tố

Trình bày lại một số khoản mục liên quan đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán			
I. Nợ ngắn hạn	310 1.338.392.934.376	5.782.947.203	1.332.609.987.173
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 7.283.907.045	5.782.947.203	1.500.959.842
II. Nợ dài hạn	330 771.302.240.966	(5.782.947.203)	777.085.188.169
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	- (5.782.947.203)	5.782.947.203

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.114.236.524	5.782.947.203	331.289.321
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		- (5.782.947.203)	5.782.947.203

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất: Máy biến áp.
- Thương mại: Nguyên vật liệu sản xuất dây cáp, vỏ lon và thành phẩm vỏ lon, dây cáp,...
- Dịch vụ: Đại lý bảo hiểm, cho thuê kho bãi, nhà hàng,
- Đầu tư vốn: thanh lý nhượng bán vốn tại các Công ty mà Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka đang đầu tư.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Sản xuất	Thương mại	Dịch vụ	Đầu tư vốn	Đơn vị tính: VND
Năm nay					Công
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	203.993.354.845	2.473.026.359.451	24.068.450.272	-	2.701.088.164.568
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	200.422.903.073	2.472.602.332.681	23.626.316.369	(778.111.943)	2.695.873.440.180
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.570.451.772	424.026.770	442.133.903	778.111.943	5.214.724.388
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	14.463.711.111	130.697.266.854	1.271.996.417	-	146.432.974.382
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.854.858.032	3.254.745.212	31.676.441	-	10.141.279.685
Số cuối năm nay	718.307.557.594	2.491.698.531.635	24.182.134.872	-	3.234.188.224.101
Tài sản trực tiếp của bộ phận				-	837.700.263.011
Tài sản không phân bổ				-	
Tổng tài sản	<u>718.307.557.594</u>	<u>2.491.698.531.635</u>	<u>24.182.134.872</u>	<u>-</u>	<u>4.071.888.487.112</u>
Nợ phải trả bộ phận	178.053.923.348	2.158.560.734.377	21.007.949.024	-	2.357.622.606.749
Nợ phải trả không phân bổ				-	
Tổng nợ phải trả	<u>178.053.923.348</u>	<u>2.158.560.734.377</u>	<u>21.007.949.024</u>	<u>-</u>	<u>2.357.622.606.749</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Sản xuất	Thương mại	Dịch vụ	Đầu tư vốn	Đơn vị tính: VND	Cộng
Năm trước						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	209.886.065.565	3.128.022.367.548	46.359.815.291	-	-	3.384.268.248.404
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	208.454.963.268	3.106.694.034.085	4.612.969.682	40.327.427.841	(40.327.427.841)	3.360.089.394.876
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.431.102.297	21.328.333.463	41.746.845.609	433.331.840.395	24.178.853.528	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	27.221.493.602	400.179.365.714	5.930.981.079	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.605.069.036	7.204.557.244	106.777.351	-	-	16.916.403.631
Số cuối năm trước	533.399.942.697	2.421.912.619.556	35.770.847.313	-	-	2.991.083.409.566
Tài sản trực tiếp của bộ phận						
Tài sản không phân bổ						
Tổng tài sản	533.399.942.697	2.421.912.619.556	35.770.847.313	-	3.762.442.243.284	
Nợ phải trả bộ phận	130.839.397.882	1.949.955.858.343	28.899.919.117	-	2.109.695.175.342	
Nợ phải trả không phân bổ						
Tổng nợ phải trả	130.839.397.882	1.949.955.858.343	28.899.919.117	-	2.109.695.175.342	
Khu vực địa lý						
Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.						

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Giá trị ghi số	Dự phòng	Số cuối năm
Giá trị ghi số	Dự phòng			Số đầu năm	
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.037.484.179	-	25.324.199.887	-	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	438.958.264.315	-	808.280.042.313	-	(*)
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	11.459.050.447	-	13.552.654.103	-	(*)
Cộng	464.454.798.941	-	847.156.896.303	-	(*)
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả cho người bán	493.435.249.166	308.030.981.759	(*)		
Vay và nợ	1.725.314.834.654	1.747.867.603.044	(*)		
Chi phí phải trả	19.421.415.714	5.005.595.169	(*)		
Các khoản phải trả khác	45.581.999.708	19.326.549.274	(*)		
Cộng	2.283.753.499.242	2.080.230.729.246	(*)		

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	493.435.249.166	-	-	493.435.249.166
Vay và nợ	1.032.782.705.722	408.741.011.429	283.791.117.503	1.725.314.834.654
Chi phí phải trả	19.421.415.714	-	-	19.421.415.714
Các khoản phải trả khác	45.581.999.708	-	-	45.581.999.708
Cộng	1.591.221.370.310	408.741.011.429	283.791.117.503	2.283.753.499.242

Số đầu năm

Phải trả cho người bán	308.030.981.759	-	-	308.030.981.759
Vay và nợ	982.605.362.078	464.596.504.753	300.665.736.213	1.747.867.603.044
Chi phí phải trả	5.005.595.169	-	-	5.005.595.169
Các khoản phải trả khác	19.326.549.274	-	-	19.326.549.274
Cộng	1.314.968.488.280	464.596.504.753	300.665.736.213	2.080.230.729.246

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 7 năm 2019

Người lập biểu

Vũ Thị Kim Phượng

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Huyền



Mẫn Ngọc Anh